

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HA
TỈNH CB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày: 29-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HA, TỈNH CB

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thoại
2. Bà Hoàng Thị Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HA tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh CB tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/HSST ngày 07/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 16/10/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Trọng Đ**; Sinh ngày 26/5/1983, tại Thành phố CB, CB; Nơi ĐKKHTT và nơi cư trú: Xóm 3 HQ, HĐ, thành phố CB, tỉnh CB; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Trọng Đ1 (đã chết) và bà Trần Thị H; Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án, cụ thể:

- Tại Bản án số: 70/2005/HSST, ngày 26/7/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã CB, CB xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số: 39/2008/HSST, ngày 30/6/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã CB, CB xử phạt 54 tháng tù về các tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Tại Bản án số: 54/2012/HSST, ngày 26/6/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã CB, CB xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 28/8/2019, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HA. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ1; sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: Tổ 1 phố A, NH, huyện HA, tỉnh CB. Vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H; sinh năm: 1958.

Nơi cư trú: Xóm 3, HQ, HĐ, thành phố CB, tỉnh CB. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 28/8/2019, Trần Trọng Đ điều khiển xe Mô tô Wave màu xanh xám đen biển kiểm soát 11F9 -9583 (đăng ký mang tên Trần Thị H - là mẹ đẻ của Đ) từ nhà lên khu vực chợ NH, HA với mục đích để trộm cắp tài sản; bị cáo đã để xe ở đối diện cổng Điện lực HA rồi đi bộ quan sát và nhìn thấy nhà của ông Nguyễn Văn Đ1 thuộc tổ 1 phố A, thị trấn Nước Hai, HA, CB đang khóa cửa ngoài, bị cáo đã dùng chùm chìa khóa mang theo người để mở cửa chính của nhà ông Đ1 rồi lên vào trong nhà, đi vào phòng ngủ lấy trộm được 01 (một) sợi dây chuyền bạc có gắn một chiếc nanh động vật treo trên tường, tiền mặt 947.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) để ở trong túi áo khoác màu xám treo trên tường ở trong góc đằng sau cánh cửa phòng ngủ. Sau khi lấy trộm được tài sản và đang rời khỏi nhà thì bị ông Đ1 phát hiện và bị Công an huyện HA lập biên bản phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ gồm có: 947.000đ (Chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng có gắn một nanh móng động vật; 01 (một) chùm chìa khóa gồm 06 (sáu) chiếc chìa khóa các loại khác nhau; 01 (một) đôi gang tay bằng nhựa màu xanh, đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01(một) xe Mô tô biển kiểm soát 11F9-9583.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-ĐGTS ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HA, tỉnh CB xác định sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc trị giá 1.890.000 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-HA ngày 03/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện HA đã truy tố bị cáo Trần Trọng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Trần Trọng Đ từ 30 đến 36 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn Đ1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hằng đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chùm chìa khóa gồm 06 (sáu) chiếc chìa khóa các loại; 01 đôi gang tay bằng nhựa màu xanh, đen.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn đề nghị ông Đ1 xác nhận đã nhận lại số tiền 947.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng có gắn một nanh móng động vật tại cơ quan công an và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hằng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn đề nghị bà Hằng xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo đã thực hiện và không có ý kiến tranh luận về tội danh cũng như về mức hình phạt; Tuy nhiên, tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HA, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện HA, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ

quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên toà bị cáo Trần Trọng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo đã thực hiện; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, qua đó đã có đầy đủ căn cứ xác định ngày 28/8/2019, tại Tổ 1, phố A, NH, HA, CB, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Văn Đ1 với tổng giá trị tài sản là 2.837.000đ (Hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 2.837.000đ thì chỉ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Trọng Đ phạm tội trộm cắp tài sản.

Tuy nhiên, do bị cáo đã ba lần bị kết án về các tội khác nhau, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, mặc dù giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trong vụ án là không lớn, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thật thà khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do vậy xét thấy cần áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; đồng thời để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời hạn nhất định nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm tội danh này. Xét thấy hiện nay bị cáo đã bị tạm giam và không có thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[5] Về việc xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chùm chìa khóa gồm 06 (sáu) chiếc chìa khóa các loại khác nhau (trong đó có chìa mở được khóa nhà ông Đ1); 01 đôi gang tay bằng nhựa màu xanh, đen. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trọng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Trọng Đ 30 (Ba mươi) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 28/8/2019.

2. Về việc bồi thường thiệt hại:

Xác nhận bị hại Nguyễn Văn Đ1 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại gồm số tiền 947.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng có gắn một nanh móng động vật theo biên bản ngày 20/9/2019 của Cơ quan điều tra Công an huyện HA, CB.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chùm chìa khóa gồm 06 (sáu) chiếc chìa khóa các loại khác nhau; 01 đôi gang tay bằng nhựa màu xanh, đen.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HA theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/10/2019.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Trần Trọng Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- VKSND H. HA;
- Công an huyện HA;
- Chi cục THADS H. HA;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có LQNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Công Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bằng

Nguyễn Tiến Thoại

Nông Công Hưng

